

ĐẠI-ĐẠO TAM-KỶ PHỔ-ĐỘ
TÒA-THÁNH TÂY-NINH



Sơ Lược Tiểu Sử
THANH SƠN ĐẠO SĨ
TRẠNG-TRÌNH NGUYỄN-BÍNH-KHIÊM

BIÊN SOẠN | HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2023
hai • không • hai • ba

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến từ Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có do sự sao chép hay trình bày lại gây nên, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HIỂN TÀI NGUYÊN VĂN HỒNG, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngò hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 31/08/2023

Tâm Nguyên

Website: tusachCAODAI.wordpress.com

青山

THANH SƠN ĐẠO SĨ
(TRẠNG TRÌNH – NGUYỄN BÌNH KHIÊM)

BIÊN KHẢO | HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG

道士

MỤC LỤC

THANH SƠN ĐẠO SĨ.....	7
▪ THANH SƠN ĐẠO SĨ	9
▪ THƯỢNG TRUNG NHỰT	9
▪ THANH SƠN CHƠN NHON	10
▪ GHI CHÚ VỀ: BẠCH VÂN ĐỘNG.....	11
▪ TRẠNG TRÌNH NGUYỄN BÌNH KHIÊM (1491–1585).....	12
▪ NHỮNG GIAI THOẠI VỀ TÀI LÝ SỐ	28
□ 1. CHUYỆN SẮT NGẮN GỖ DÀI	28
□ 2. SỐ PHẬN CHIẾC QUẠT GIẤY VÀ CÁI GỖI.....	29
□ 3. THÁNH NHÂN MẮT MÙ.....	30
□ 4. THẰNG KHẢ LÀM NGÃ BIA TAO	32
□ 5. ÔNG NGUYỄN CÔNG TRỨ PHÁ ĐỀN.....	33
□ 6. CÂY XÀ NHÀ ĐỒ	34



TÒA-THÁNH TÂY-NINH



TRẠNG-TRÌNH NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM

THANH SƠN ĐẠO SĨ^[1]

(青山道士)

THANH SƠN ĐẠO SĨ LÀ THÁNH HIỆU CỦA TRẠNG TRÌNH NGUYỄN BÌNH KHIÊM. HIỆN NAY, NGÀI LÀ SƯ PHÓ CHỦNG QUẢN BẠCH VÂN ĐỘNG NƠI CÕI THIÊNG LIÊNG.

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ cùng với hai vị Thánh của Bạch Vân Động là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) và Tôn Trung Sơn (Tôn Văn) được lệnh Đức Chí Tôn chép Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước lên tấm bảng đá để công bố cho toàn cả nhơn loại rõ, nếu ai thực thi được bốn chữ **Bác Ái – Công Bình** thì được Đức Chí Tôn rước lên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ theo lệnh của Ngọc Hư Cung, cho các vị Thánh trong Bạch Vân Động giáng trần để Đức Chí Tôn lập thành Hội Thánh buổi đầu mà khai ĐẠI-ĐẠO TAM-KỶ PHỔ-ĐỘ.

Các vị Thánh nơi Bạch Vân Động còn có nhiệm vụ hộ giá Đức Phật Mẫu mỗi khi Đức Phật Mẫu du hành xuống cõi trần, nên khi cúng Đức Phật Mẫu, chúng ta đều có niệm câu chót là: “*Nam Mô Bạch Vân Động chư Thánh.*”

Ba vị Tiên Nương DIÊU-TRÌ-CUNG có ba bài thi khen Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ:

*Hay Thanh Sơn! Giỏi Thanh Sơn!
Trung nghĩa về Tiên cũng ngậm hờn.
Cầm tú thù oan thành khí giới,
Văn chương khảo tội hóa công qờn.
Rung chuông tỉnh thế ba kỳ thức,
Hồi trống truy hồn bá tánh khôn.*

[1] Tiểu Sử TÔN SƠN CHƠN NHƠN được trích ra từ Quyển CAO ĐÀI TỰ ĐIỂN do Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng biên soạn.

Trí loạn sẵn tay nâng vạc ngã,
Anh linh muôn kiếp nước Nam đồn.

Lục Nương DTC

Tài Thanh Sơn! Trí Thanh Sơn!
Câu văn tuyệt bút vẽ nên hồn.
Giục lòng chí sĩ chưa vừa sức,
Múa viết Thần Tiên đủ chấp quờn.
Đệt thảm lê dân Trời cảm cảnh,
Khêu sầu xã tắc Đất kinh hồn.
Nẫu nhôi trí huệ thành binh khí,
Rèn chất anh thư đắp lũy đồn.

Thất Nương DTC

Trung Thanh Sơn! Nghĩa Thanh Sơn!
Bồi tại đâu ăn oán nuốt hồn?
Nát mật khó xem nhà vắng chủ,
Bầm gan há chịu nước không quờn.
Câu văn ái chủng gần dân khí,
Tiếng sấm ưu hương định quốc hồn.
Lập chí ôn nhu là đắp lũy,
Nung lòng đạo đức ấy xây đồn.

Bát Nương DTC

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ thường giảng cơ dạy Đạo
nơi Hội Thánh Ngoại Giáo tại Kim Biên. (Nam Vang).

Sau đây xin chép ra hai bài giảng cơ tượng trưng:

Phò loan:	Báo Ân Đường Kim Biên, đêm 3-3-B. Thân. (dl 13-4-1956) Hợi thời (22 giờ).
Giám Đạo Lợi,	
Hữu Phan Quân Thoại.	

THANH SƠN ĐẠO SĨ

Bần đạo xin chào Hộ Pháp, Bảo Đạo, và chư Hiền nam nữ.

Thấm thoát nên Đại Đạo khai nơi Tần quốc đã 30 năm.

Ngày ấy chính Chí Tôn sai Hộ Pháp đến để gieo hạt Thánh cốc. Từ ấy đến nay thì các tay chấp chánh Đạo quyền nơi này không tô bồi thêm, trái lại làm cho phân chia tâm lý. Có ấy là chỗ ham quyền trọng vị. **Các Chức sắc Thiên phong lãnh Thiên mạng nơi mình không làm xong phận, ngôi thì ham, quyền thì muốn, mà hành động cho xứng lại không.** Thử hỏi họ vững Thiên mạng đến để làm gì kia chớ?

Họ phải cho xứng phận là anh, thầy, để gần gũi hơn sanh, chia việc đau, an ủi điều khổ.

Hôm nay Hộ Pháp đã đến thì cả Chức sắc Thiên phong phải ráng thực thi quyền của mình, hư thì bỏ, nên thì để, rửa ráy Thánh thể Đức Chí Tôn cho nên hình. Vậy khá liệu lấy.

Có Quyền Giáo Tông đến.

THĂNG.

► TÁI CẦU:

Phò loan.: Hộ Pháp – Bảo Đạo.

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Qua chào mấy em.

Khi này, Đức Thanh Sơn có ý khuyên mấy em gắng công hành đạo. Chính Qua cũng nhìn nhận mấy em thiếu kém công nghiệp cùng Đạo. Mấy em nam nữ đã thấy rõ vì thế nào mà Chưởng Đạo Nguyệt Tâm đã từ

bỏ chức vụ mà mấy em từ thử hay chẳng?

Mấy em nhớ lại coi, từ khi Phong Chí (*Giáo Sư Thượng Bảy Thanh*) nắm quyền đến nay, sự nghiệp Đạo đã hư hoại thế nào? Thì cũng do nơi bội phản Hộ Pháp và anh em giành quyền mà sanh ra rối loạn.

Qua nói thiệt cùng mấy em rằng, vì hổ thẹn ấy mà ***Chuồng Đạo từ chức và hủy bỏ Hội Thánh Ngoại Giáo.***

Các em đã hiểu rõ điều ấy. Qua chỉ thương Thanh Sơn mang tiếng phụ phàng, lỗi tình cùng Hộ Pháp.

Qua đã nhiều phen cầu xin Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tha thứ, nhưng Ngài quyết hẳn, vì có là chúng đã mạo danh Bạch Vân Động đăng chia phe phân phái lập quyền đời của họ.

Các em có biết chẳng, Đấng đã mang trọn ân của Hộ Pháp là Bạch Vân Hòa Thượng, tức là Đức Thanh Sơn, vì khi lãnh lệnh Ngọc Hư thì người đã hứa rằng: Hộ Pháp trọn quyền sử dụng các chơn linh Bạch Vân Động. Hôm nay lời hứa ấy đã thất. Qua nhường cơ lại cho Đức Thanh Sơn Chơn Nhơn.

Mấy em sẽ hưởng đặng một điều quý báu. THĂNG.

▶ TÁI CẦU:

THANH SƠN CHƠN NHƠN

Bần đạo trở lại là vì lời kêu nài của Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt.

Chư Thiên phong đủ hiểu rõ rằng: Mạng số Việt Nam nó liên quan mật thiết cùng kiếp sanh của Bần đạo là thế nào, và vì lẽ gì mà Bần đạo phải giao trọn quyền điều khiển Bạch Vân Động cho Hộ Pháp.

Bảo Đạo! Thì Bần đạo cũng đồng tâm bịnh với

Hiền Hữu. Cười... Bảo Đạo nghe:

THI

*Hoành Sơn phân nước trót đôi lần,
Khí số bấy chừ dứt Nguyễn quân.
Lời sấm đoán vẫn khi thật quả,
Tiên tri toán số gẫm không lầm.
An dân buồn thiếu trang hiền sĩ,
Bảo quốc vui nhờ đức Thánh nhân.
Suy thịnh nước nhà do trị loạn,
Cũng như Đông mãn tới hồi Xuân.
Đọc lại rồi kiểm nghĩa đặng hiểu.*

Bần đạo sẽ tái giảng đặng hiệp ý cùng nhau.

THĂNG.

GHI CHÚ VỀ: BẠCH VÂN ĐỘNG.

Đức Phạm Hộ Pháp giải thích về Bạch Vân Động:

“Xưa nay người ta vẫn coi Nguyệt cầu (Mặt Trăng) là nơi dừng chân của những vị Thánh, Thần, trước khi xuống trần giới (Địa cầu) đầu thai. Các vị đó phải ở lại Nguyệt cầu ít lâu để liên lạc với Địa cầu, để quen lẫm với đời sống ở thế gian này.

Từ cổ, Thần thoại đã mệnh danh Nguyệt cầu là Bạch Vân Động (Quảng Hàn Cung). Cơ giảng ở Âu Châu, mệnh danh là LOGE BLANCHE (Bạch Động).

Giáo chủ của Bạch Vân Động là Bạch Vân Hòa Thượng, miêu duệ của Từ Hàng Đạo Nhơn, dòng dõi Đức Phật Quan Âm.

Bạch Vân Hòa Thượng đã hai lần giảng trần ở Pháp: một lần là Hồng Y Giáo Chủ Richelieu, một lần là Quận Công La Roche Foucault.

Ở VIỆT-NAM, Ngài giáng trần là *Trình Quốc Công Nguyễn Bình Khiêm, tức gọi Trạng Trình.*”

Theo như lời dạy của Đức Phạm Hộ Pháp, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm có tiền kiếp là Bạch Vân Hòa Thượng bên Tàu, mà Chơn Linh của Bạch Vân Hòa Thượng là một chiết linh của Đức Từ Hàng Bồ Tát.

Sau đây là Tiểu sử của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, trích trong quyển sách Công Đư Tiếp Ký của Vũ Phương Đề, dịch giả Tô Nam Nguyễn Đình Diệm.

TRẠNG TRÌNH NGUYỄN BÌNH KHIÊM (1491–1585)

Ông Nguyễn Bình Khiêm, Đạo hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ, người làng Trung Am huyện Vĩnh Lại. Tiên tổ ngày xưa tu nhân tích đức đã nhiều (*nay không thể khảo cứu được*), chỉ biết từ đời cụ Tổ được tập phong Thiếu Bảo Tư Quận Công, mỹ tự là Văn Tĩnh, cụ Bà được phong Chính Phu Nhân Phạm thị Trinh Huệ, nguyên trước các cụ lập gia cư ở nơi có núi sông bao bọc, hợp với kiểu đất Cao Biền.

Phụ thân được tặng phong Thái Bảo Nghiêm Quận Công, mỹ tự là Văn Định, Đạo hiệu là Cù Xuyên Tiên Sinh, nguyên người học rộng tài cao, lại có đức tốt, được sung chức Thái Học Sinh.

Thân mẫu họ Nhữ, được phong Từ Thục Phu Nhân, nguyên người ở Ân Từ Hạ, thuộc huyện Tiên Minh, là con gái quan Hộ Bộ Thượng Thư Nhữ Văn Lan.

Bà vốn là người thông minh, học rộng văn hay, lại tinh thông cả môn tướng số, ngay thời Hồng Đức mà bà đã tính được rằng: Vận mệnh nhà Lê chỉ sau 40 năm nữa thì sẽ suy đồi. Vì có một chí hướng phò vua giúp nước của bậc trượng phu, muốn chọn một người

vừa ý mới chịu kết duyên, nên đã chờ ngót 20 năm trời, khi gặp Ông Văn Định có tướng sinh được quý tử nên bà mới lấy.

Nhưng lại gặp một trang thiếu niên trong lúc sang bến dò Hàn thuộc con sông Tuyết Giang, thì Bà ngạc nhiên than rằng: Lúc trẻ chẳng gặp, ngày nay tới đây làm gì!

Những người theo hầu không hiểu ra sao, cầm roi đánh đuổi thiếu niên ấy đi, rồi sau Bà hỏi lại tánh danh, mới biết người ấy là Mạc Đăng Dung, khiến Bà phải sanh lòng hối hận đến mấy năm trời.

Tiên sinh sanh vào năm Hồng Đức thứ 21 (*tức năm Tân Hợi 1491*), lúc sơ sanh, vóc người có vẻ hùng vĩ, khi chưa đầy năm đã biết nói. Một hôm, vào buổi sáng sớm, Văn Định đang bế cậu ở trên tay, bỗng thấy cậu nói ngay lên rằng: “*Mặt Trời mọc ở phương Đông.*” Ông lấy làm lạ! Rồi năm lên 4 tuổi, phu nhân dạy cậu học kinh truyện, hễ dạy đến đâu là cậu thuộc lòng đến đó, và thơ quốc âm cậu đã nhớ được mấy chục bài.

Lại một hôm bà đi vắng, ông ở nhà bày trò kéo dây đùa với lũ trẻ, nhân đọc bốn một câu rằng: “*Nguyệt treo cung, Nguyệt treo cung,*” rồi ông muốn đọc tiếp câu nữa nhưng chưa nghĩ kịp thì cậu đứng bên đọc ngay rằng: “*Vén tay Tiên, nhẵn nhẵn rung.*”

Ông thấy cậu mẫn tiệp như vậy thì có ý mừng thầm, đợi khi bà về thuật lại cho nghe. Bà lấy làm bất mãn nói rằng: Nguyệt là tượng bề tôi, có sao ông lại dạy con mình như thế?

Ông cả thẹn xin lỗi, nhưng bà vẫn không nguôi giận, bỏ về ở bên cha mẹ đẻ, cách ít lâu thì mất.

Lại có truyền ngôn rằng: Lúc Nguyễn Bình Khiêm

còn để chỏm, cùng với lũ trẻ ra tắm ở bến đò Hàn, khi ấy có chú thuyền buôn người Tàu nhìn thấy tướng mạo của cậu, chú bảo với mọi người rằng, cậu bé này có tướng rất quý, chỉ hiếm một nổi là da hơi thô, về sau chỉ làm đến Trạng nguyên. Tể Tướng mà thôi. Vì thế nên ai cũng đoán chắc rằng, cậu sẽ là bậc tể phụ của quốc gia sau này.

Như ông lúc còn niên thiếu, học vấn sở đắc ngay tự gia đình, đến khi lớn tuổi, nghe nói có quan Bảng Nhãn Lương Đắc Bằng, nổi tiếng văn chương quán thế, ông bèn tìm đến để xin nhập học.

Lương Công là người làng Hội Trào, thuộc huyện Hoảng Hóa, lúc Ngài phụng mệnh sang sứ nhà Minh, có học được phép Thái Ất Thần Kinh của người cùng họ, tức là dòng dõi của Lương Nhữ Hốt (*ông Hốt trước hàng nhà Minh, được phong tước là Lãng Lãng Vương*). Lương Công rất tinh thông về lẽ huyền vi, đem truyền lại cho ông Nguyễn Bình Khiêm, đến khi Ngài bị ốm nặng, lại đem con là Lương Hữu Khánh ký thác với ông, ông sẵn sóc dạy dỗ chẳng khác con mình, sau này Lương Hữu Khánh cũng được thành đạt.

Những năm Quang Thiệu (1516–1526), gặp lúc loạn lạc, ông về ẩn cư để dạy học trò, lấy Đạo làm vui, chẳng cầu danh tiếng, nhưng sang đến thời đầu niên hiệu Thống Nguyên (*tức Lê Hoàng Đế Thung*) thì Trịnh Tuy và Mạc Đăng Dung cũng đều có ý hiệp chế Thiên tử để sai khiến chư hầu, hai bên gây cuộc nội chiến, khiến trong nước chịu cảnh lầm than, lúc ấy ông có cảm hứng một bài thơ rằng:

*Thái hòa vũ trụ bất Ngu Chu,
Hỗ chiến giao tranh tiểu lương thù.*

*Xuyên huyết sơn hài tùy xứ hữu,
Uyên ngư từng trước vị thùy khu.
Trùng hưng dĩ bốc độ giang mã,
Hậu hoạn ứng phòng nhập thất khu.
Thế sự đáo đầu hưu thuyết trước,
Túy ngâm trạch bạn nhậm nhàn du.*

DỊCH:

*Thái hòa chẳng thấy cảnh Ngụ Chu,
Hai phái thù hằn chém giết nhau.
Nhuộm máu phơi xương đã khắp chốn,
Xua chà đuổi sẻ vị ai đâu?
Trùng hưng đuổi ngựa qua sông trước,
Hậu hoạn phòng beo tiến cửa sau.
Ngán nỗi việc đời thời phó mặc,
Say rồi dạo suối hát vài câu.*

Sở dĩ có bài thơ trên vì ông biết rõ nhà Lê sẽ được trung hưng, dẫu rằng ngày nay tạm phải tìm kế an thân, nhưng rồi sau đây tất nhiên sẽ lại khôi phục được nước, mà câu: *Beo tiến cửa sau*, chỉ là nói kín đó thôi.

Quả nhiên về sau, nhà Lê trung hưng, bốn phương trở lại yên tịnh, bấy giờ bạn hữu đều khuyên ông ra làm quan, đến năm 44 tuổi ông mới chịu ra ứng thí, khoa thi hương ấy, ông được đỗ đầu, rồi năm sau, tức là năm thứ 6 đời nhà Mạc (1535), lại ra tỉnh thi đỗ thứ nhất, khi vào đình đối, lại đỗ Tiến Sĩ đệ nhất danh, được bổ chức Đông Các Hiệu Thư, trong thời Thái Tông nhà Mạc, ông có làm hai bài thơ “*Xuân Thiên Ngự Tửu*”, đều được hạng ưu, rồi thăng chức Hữu Thị Lang Hình Bộ, sau thời gian ngắn lại thăng chức Tả Thị Lang, kiêm chức Đông Các Đại Học Sĩ.

Trong 8 năm ở triều, ông có dâng sớ hạch tội 18 kẻ nịnh thần, xin đem chém để làm gương, bởi vì bốn tâm của ông chỉ muốn làm trăm họ đều được an vui, những người tàn tật mù lòa cũng cho họ được có nghề ca hát bói toán, nhưng rồi gặp phải con rể tên là Phạm Dao ý thể lộng hành, vì sợ liên lụy đến mình nên ông cáo quan xin về trí sĩ.

Thế là giữa năm Quảng Hòa thứ 2 (1542), ông mới 52 tuổi đã xin trí sĩ, treo mào về làng, dựng Am Bạch Vân ở phía tả chỗ làng ông ở và vẫn lấy hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ. Khi ấy ông có bắc hai chiếc cầu Nghinh Phong và Tràn Xuân để khi hóng mát, dựng một ngôi quán gọi là Trung Tân ở bến Tuyết Giang, có bia để ghi sự thực.

Ngoài ra, ông còn tu bổ chùa chiền, có lúc cùng các lão tăng đàm luận, có khi thả một con thuyền dạo chơi Kim Hải, Úc Hải để xem đánh cá. Còn chỗ danh sơn thắng cảnh, như núi An Tử, Ngọa Vân, Kính Chủ, Đồ Sơn, nơi nào ông cũng chống gậy trèo lên, thừa hứng ngâm vịnh, quên cả sớm chiều; mỗi khi thấy chỗ rừng cây chim đổi giọng ca thì ông hơn hờ tự đắc, quả là một vị Lục Địa Thần Tiên.

Nhưng trong thời gian dưỡng lão ở chốn gia hương, tuy rằng không dự quốc chính, thế mà họ Mạc vẫn phải kính trọng như một ông thầy, những việc trọng đại thường sai sứ giả về hỏi, có khi lại đón lên kinh thành để hỏi, ông đều ung dung chỉ dẫn, nhờ đó bổ ích rất nhiều. Xong rồi ông lại trở về am cũ, họ Mạc ân cần giữ lại cũng chẳng được, về sau phải liệt vào hạng đệ nhứt công thần, phong tước là *Trình Tuyên Hầu*, dần dần thăng đến *Lại Bộ Thượng Thư Thái Phó Trình Quốc Công*. Ông Bà nhị đại cũng được phong ấm, 3 người

thê thiếp với 7 người con, cũng theo thứ tự phong hàm.

Thế rồi đến năm Cảnh Lịch thứ 3 thời nhà Mạc (tức Mạc Phúc Nguyên 1550), Thụ Quốc Công, người xã Khoa Hoạch huyện Thanh Oai tên là Nguyễn Thiến, có con là Quyện và Mỗi về hàng quốc triều (nhà Lê), ông có làm một bài thơ gởi cho Thiến, có những câu rằng:

*Cố ngã tôn cô duy nghĩa tại,
Tri quân xử biến khởi tâm cam.*

DỊCH:

*Ta giúp mỗ cô vì trọng nghĩa,
Ông khi xử biến há cam lòng.*

Lại có câu rằng:

*Khí vận nhất chu ly phục hợp,
Trường giang khởi hữu hạn đông nam.*

DỊCH:

*Vận chuyển một vòng tan lại hợp,
Trường giang đâu có hạn đông nam.*

Thiến xem thơ, trong lòng cảm thấy bút rút, còn Quyện cũng là tướng tài, luôn luôn lập được chiến công. Mạc Phúc Nguyên lấy làm lo ngại, hỏi kế nơi ông thì ông thưa rằng: Cha Quyện với thần là chỗ bạn thân từ trước, và đã ở trong nhà thần, hiện nay được ra trấn thủ Thiên Trường, ở vào tình thế bán tín bán nghi, nay muốn dùng kế bắt lại, thực chẳng khác chi thò tay vào túi để lấy một vật gì mà thôi.

Rồi ông xin với Mạc Phúc Nguyên trao cho 100 trảng sỉ, sai đi phục sẵn ở bên bắc ngạn. ông gởi thơ cho Quyện, hẹn sang bên thuyền nâng chén rượu nhạt kể lại tình xưa, rồi nhân lúc đã quá say, phục binh nổi dậy bắt cóc đem về nam ngạn, ông mới đem ân

nghĩa quốc gia để khuyên nhủ. Quyện cảm động khóc nức nở, ông bèn dẫn về qui thuận họ Mạc, rồi sau trở thành một viên danh tướng, nhờ đó nhà Mạc duy trì thêm được mấy chục năm nữa.

Trong thời gian ấy, Thế Tổ (*Trịnh Kiểm*) đã dấy nghĩa binh, thanh thế vang khắp xa gần, đánh nhau mấy trận ở cửa Thần Phù. Khiêm Vương Mạc Kính Điển đại bại, Thế Tổ Trịnh Kiểm thừa cơ tiến binh theo đường Tây Sơn ra đánh Kinh Bắc, khiến cho trong ngoài nơm nớp lo sợ, ông hiền kế sách hư hư thực thực, họ Mạc theo đó thi hành, bấy giờ trong cõi mới tạm ổn định.

Thời Mạc Mậu Hợp, năm Diên Thành thứ 8 (1585), tức năm Ất Dậu tháng 11 thì ông lâm bệnh. Mậu Hợp sai sứ đến vấn an và hỏi về quốc sự. Ông chỉ trả lời rằng: *“Tha nhứt quốc hữu sự cố, Cao Bằng tuy tiểu khả duyên số thế.”* Nghĩa là: *Sau này quốc gia hữu sự thì đất Cao Bằng tuy nhỏ cũng giữ thêm được mấy đời.*

Quả nhiên, cách 7 năm sau thì họ Mạc mất, rồi các Chúa nhà Mạc như Càn Thống, Long Thái, Thuận Đức, Vĩnh Xương, rút lui lên giữ Cao Bằng được 70 năm, nghĩa là sau ba, bốn đời thì mới hoàn toàn bị diệt, coi đó thì lời nói của ông dự đoán chẳng sai chút nào.

Nhưng rồi trong tháng ấy, giữa ngày 28 thì Ông tạ thế, hưởng thọ 95 tuổi, học trò suy tôn hiệu là *“Tuyệt Giang Đại Phu”*, phần mộ ở trên một cái gò đất trong làng.....

Nhắc lại thuở trước, năm Thuận Bình thứ 8 (1556), Lê Trung Tông mất, không có hoàng nam nối ngôi. Thế Tổ Trịnh Kiểm do dự không biết lập ai, hỏi Trạng nguyên Phùng Khắc Khoan, cũng không quyết định nổi, nên

mới phải sai gia nhân ngấm đem lễ vật về tận Hải Dương để hỏi, ông không trả lời mà chỉ quay lại bảo các gia nhân rằng: “*Vụ này lúa không được mấy, chỉ tại thóc giống không tốt, vậy các người phải đi tìm giống cũ để mà gieo mạ.*” Nói xong, ông lên xe ra chùa, sai các chú tiểu quét dọn đốt hương, ngoài ra không hề đá động gì đến chuyện khác, bởi vì ông đã tỏ cho biết cái thâm ý là: *Cứ việc thờ Phật thì được ăn oản.*

Rồi Trịnh Phùng thấy thế vội vàng về báo, Thế Tổ Trịnh Kiểm hiểu ngay, bèn đón Anh Tông (*Lê Duy Bang*) về lập, tình thế trong nước mới được ổn định.

Trong thời gian ấy, Doan Quốc Công Nguyễn Hoàng là con Chiêu Huân Tĩnh Vương Nguyễn Kim, đương lúc ở trong tình thế nguy ngập vì sợ không thoát khỏi tay Trịnh Kiểm, thân mẫu của người vốn dòng họ Phạm đã được tôn là Thánh mẫu, nguyên quán ở làng Phạm Xá thuộc huyện Tú Kỳ, với ông là chỗ đồng hương, nên thường bí mật sai người về làng nhờ ông chỉ giúp cho con trai bà một đường sống. Sứ giả đặt gói bạc nén ở trước mặt ông, rồi bái lạy lia lịa.

Ông thấy sứ giả năn nỉ mãi, nhưng vẫn không nói gì, rồi đứng phắt lên, tay cầm chiếc gậy, thùng thỉnh ra lối vườn sau, là nơi có hơn 10 tảng đá xanh xếp thành một dãy núi giả (*non bộ*) quanh co, trước núi lúc ấy có những đàn kiến men theo tảng đá leo lên, ông ngấm nghĩa chúng một lát rồi mỉm cười đọc một câu: “*Hoành sơn nhất đại vạn đại dung thân*”, nghĩa là: *một dãy Hoành sơn có thể dung thân được.*

Sứ giả hiểu ý trở về thuật lại với Nguyễn Hoàng. Hoàng bèn xin vào trấn thủ Quảng Nam, đến nay hùng cứ cả vùng đó.

Nói về môn sinh của ông, thực sự không biết bao nhiêu mà kể, nhưng nói riêng về những người có tiếng tăm lừng lẫy thì có: Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Dữ, và Trương Thì Cử, đều đã nhờ ơn truyền thụ lý học từng đi đến chỗ uyên thâm, và sau đều là các bậc danh thần trong thời Trung hưng.

Nhắc lại khi Phùng Khắc Khoan còn theo học Bạch Vân Tiên sinh, lúc thành tài rồi, bỗng có một đêm Tiên sinh đến chỗ nhà trọ của Khoan, Tiên sinh gõ cửa bảo rằng: *Gà gáy rồi đấy, sao anh chưa dậy nấu ăn mà còn nằm ý ở đó.*

Khắc Khoan hiểu rõ ý thầy nên vội thu xếp lên vào vùng Thanh Hóa, nhưng lại ẩn cư với Nguyễn Dữ, chớ chưa chịu ra làm quan. Trong thời gian nhàn rỗi ấy, Nguyễn Dữ có soạn ra bộ *Truyện Kỳ Mạn Lục*, được Khắc Khoan phủ chính rất nhiều, nên mới thành ra một cuốn thiên cổ kỳ bút. Coi đó, ta thấy việc đào tạo nhân tài để giúp cho bốn triều lúc ấy, phần lớn là nhờ ở Tiên sinh vậy.

Còn nói về cá nhân của Tiên sinh, ta thấy Tiên sinh là người có lòng khoáng đạt, tư chất cao siêu, xử sự hồn nhiên, không hề có chút cạnh góc, ai hỏi thì nói, không hỏi thì thôi, mà đã nói ra câu gì, thực là bất di bất dịch, dẫu rằng ở nơi thôn dã vui cảnh cúc tùng, hơn 40 năm mà lòng vẫn không quên nước, tắc dạ ưu thời mãn thế thường thấy chan chứa trong các vần thơ, văn chương viết rất tự nhiên, không cần điều luyện, giản dị mà rất lưu loát, thanh đạm mà nhiều ý vị, câu nào cũng có quan hệ đến sự dạy đời.

Riêng về thơ phú quốc ngữ, Tiên sinh soạn cũng rất nhiều, trước đã xếp thành một tập gọi tên là *Bạch*

Vân Thi Tập, tất cả đến hơn ngàn bài, ngày nay sót lại độ hơn một trăm, và một thiên *Trung Tân Quán Phú*, còn thi thì thất lạc hết cả, nhưng xem đại lược cũng toàn những thể gió mát trăng thanh, dẫu ngàn năm sau vẫn còn có thể tưởng tượng thấy vậy.

Thử coi những câu:

Cao khiết thù vi thiên hạ sĩ?

An nhàn ngã thị Địa trung Tiên.

Nghĩa là:

Cao sạch ai làm thiên hạ sĩ?

Thanh nhàn ta cũng Địa trung Tiên.

Đó là mấy câu Tiên sinh tự thuật chí hướng của mình thì đủ rõ.

Nói về gia đình Tiên sinh có 3 thế thiếp. Bà Chánh thất họ Dương hiệu Từ Ý, quê ở Hải Dương, cũng thuộc bốn huyện, nguyên là ái nữ của quan Hình Bộ Tả Thị Lang Dương Đắc Nhan. Thứ Phu nhân họ Nguyễn, hiệu là Nhu Tĩnh. Á Phu nhân họ Nguyễn hiệu Vi Tĩnh. Con cái cộng 12 người, 7 trai 5 gái. Con trưởng hiệu là Hàn Giang Cư Sĩ, được tập ấm hàm Trung Trinh Đại Phu, rồi sau làm đến Phó Hiến. Con thứ 2 hiệu là Túy Am Tiên Sinh, phong hàm Triều Liệt Đại Phu, tước Quảng Nghĩa Hầu. Con thứ 3 phong hàm Hiến Cung Đại Phu, tước Xuyên Nghĩa Bá, con thứ 4 là Thuần Phu, phong hàm Hoàng Nghị Đại Phu, tước Quảng Đô Hầu, con thứ 5 là Thuần Đức, tước Bá Thứ Hầu, con thứ 6 là Thuần Chính tước Thắng Nghĩa Hầu. Tất cả mấy người con đều có lập được quân công.

Rồi sau Hàn Giang sinh Thiết Đức, Thiết Đức sinh Đạo Tấn, Đạo Tấn sinh Đạo Thông, Đạo Thông sinh

Đặng Doanh, Đặng Doanh sinh Thì Dương. Lúc ấy Thì Dương đã 65 tuổi, sinh được 3 người con trai, đều là cháu 8 đời của Tiên sinh vậy.

Năm Vĩnh Hựu nguyên niên (*tức là năm Ất Mão 1735*), người trong làng nhớ tới thịnh đức của Tiên sinh, có dựng hai tòa miếu ngay ở nền nhà của Tiên sinh ngày trước, rồi người hàng Tổng vì nhớ ơn đức cũng đến Xuân Thu hằng năm tế tự Tiên sinh; còn người trong họ là các ông Nguyễn Hữu Lý, vì sợ sau này gia phả sẽ bị thất lạc, nên có nhờ ta soạn một bài tựa.

Ta đây sinh sản ở đất Hồng Châu, đối với Tiên sinh ngày trước, dẫu là đồng hương, nhưng nay cách đã 190 năm rồi thì còn biết đâu mà nói....

Nhưng ta nhận thấy Kỳ Lân, Phượng Hoàng đâu phải là vật thường thấy ở trong vũ trụ, tất nhiên nó phải ra chơi ở vườn nhà Đường và núi nhà Chu thì nó mới là điềm tốt.

Còn như Tiên sinh, sẵn có tư chất thông tuệ, thêm vào Đạo học Thánh Hiền, ví thử đắc thời để mà thi thố sở học, chắc sẽ tạo ra cảnh trị bình, thay đổi phong tục phù bạc thành ra lễ nghĩa văn minh. Thế mà trái lại, một người có đủ tài đức phò tá quân vương, lại sinh ra giữa thời bá giả, thành ra sở học trở nên vô dụng, thực đáng tiếc thay!

Tuy nhiên, đời dùng thì làm, đời bỏ thì ẩn. Đối với Tiên sinh, dù chẳng đắc dụng cũng có hề chi.

Ta rất hâm mộ Tiên sinh về chỗ đó. Thử coi sinh trưởng trên đất nhà Mạc, khi thử ra làm quan để hành sở học, thì cũng muốn bắt chước Đức Khổng Phu Tử vào yết kiến Công Sơn Phất Nhiễm, rồi khi biết rằng không thể giúp được thì vội bỏ đi, lại muốn theo trí sáng của

Trương Lương để hỏi thăm Xích Tùng Tử.

Nay đọc những văn chương còn lại, khác chi nghe thấy những tiếng ném ngọc gieo vàng, rục rờ như mây năm sắc, sáng sủa như vùng Thái Dương, mà cái phong vị tắm sông Nghi, hóng mát cầu Vũ Vu của ông Tăng Điểm ngày trước, và cái phong thú yêu sen, hái lan của tiên nho ngày xưa, hình như ta được nhìn thấy ở Tiên sinh và ta được bái kiến ở trong Giáng Trướng.

Bởi vì Tiên sinh chẳng những chỉ tinh thâm một môn Lý học, biết rõ dĩ vãng cũng như tương lai, mà sự thực thì trăm đời sau cũng chưa thấy có ai hơn được vậy.

Ồi! Ở trong thiên hạ, các bậc quân vương, các vị hiền giả, hỏi có thiếu chi, nhưng chỉ có lúc sống thì được phú quý vinh hoa, còn sau khi mất thì những cái đó lại cũng mai một đi với thời gian, hỏi còn ai nhắc nữa?

Còn như Tiên sinh, nói về thế hệ đã truyền đến 7, 8 đời, gần thì sĩ phu dân thứ ngưỡng vọng như bóng sao Đẩu trên trời, dẫu cách ngàn năm cũng còn tưởng tượng như một buổi sớm, xa thì sứ giả Thanh triều tên Chu Xán, nói đến nhân vật **Lĩnh Nam** cũng đã có câu: “*An Nam Lý học hữu Trình Tuyền*” tức là công nhận môn Lý học của nước An Nam chỉ có Trình Tuyền là người số một, rồi chép vào sách truyền lại bên Tàu.

Như thế, đủ thấy Tiên sinh quả là một người rất mực của nước ta về thời trước vậy.

Hậu học Ôn Đình Hầu Võ Khâm Lâm cẩn thuật.

GHI THÊM CHO RÕ:

Cụ Nguyễn Bình Khiêm, trước được phong là Đông Các Đại Học Sĩ, sau được phong tước là: *Trình Tuyền*

Hầu, rồi dần dần thăng lên Lại Bộ Thượng Thư Thái Phó Trình Quốc Công.

Cụ mất ngày 28 tháng 11 năm Ất Dậu (1585), thọ 95 tuổi.

Cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, ngoài việc dùng thi ca ngâm vịnh làm thú tiêu khiển, Cụ còn muốn dùng văn chương để giáo hóa người đời, truyền bá những tư tưởng đạo đức, giác ngộ dân chúng, vì trước mắt Cụ, hoàn cảnh đất nước thật điêu tàn, chiến tranh nổi da xáo thịt, chém giết nhau vì quyền lợi riêng tư, không còn biết đạo đức như nghĩa. Cụ đã thực hành chủ trương “*Văn dĩ tải Đạo*” của Thánh Hiền.

Cụ có viết một tập thơ chữ Hán gọi là “*BẠCH VÂN AM THI TẬP*”. Tập thơ này gồm hàng ngàn bài thơ vịnh cảnh, tả tình, hiện đã bị thất lạc gần hết.

Về thơ Nôm, Cụ viết tập “*BẠCH VÂN QUỐC NGŨ THI TẬP*” gồm nhiều bài thi Đường luật và Cổ phong, với chủ đề như sau:

- Thú ẩn cư, an nhàn tự tại,
- Than trách đời nhân tình thế thái,
- Khuyên răn người đời.

Ngoài ra, Cụ Trạng Trình còn lưu truyền lại cho con cháu một quyển *SẤM KỶ* trường thiên, mà con cháu Cụ sau này chép vào cuốn *Bạch Vân Gia Phả Bí Truyền Tập*, gọi là *SẤM TRẠNG TRÌNH*.

** Sau đây xin chép lại vài bài thi tiêu biểu trong cuốn Bạch Vân Quốc Ngữ Thi Tập:*

THÚ THÔN CƯ

*Một mai một cuộc một cần câu,
Thơ thần mặc ai vui thú nào.*

Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, Đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, Hạ tắm ao.
Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp,
Nhìn xem phú quý tợ chiêm bao.

THẾ GIAN BIẾN ĐỔI

Thế gian biến đổi vũng nên đồi,
Mặn lạt chua cay lẫn ngọt bùi.
Còn tiền còn bạc còn đệ tử,
Hết cơm hết gạo hết ông tôi.
Xưa nay vẫn trọng người chân thực,
Ai nấy nào ưa kẻ đái bôi.
Ở thế mới hay người thế bạc,
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.

CỦA NẶNG HƠN NGƯỜI

Đời nầy nhân nghĩa tợ vàng mười,
Có của thì hơn hết mọi lời.
Trước đến tay không nào thiết hỏi,
Sau vào gánh nặng lại vui cười.
Anh anh chú chú mừng hơ hải,
Rượu rượu chè chè thết tả tôi.
Người, của, lấy cân ta sẽ nhắc,
Mới hay rằng của nặng hơn người.

* Sau đây xin trích vài đoạn trong **SẤM TRẠNG TRINH**:

CẢM ĐỀ

Thanh nhàn vô sự là Tiên,
Năm hồ phong nguyệt nổi thuyền buông chơi.

Cơ Tạo Hóa, phép đổi đời,
Đầu non mây khói tỏa,
Mặt nước cánh bướm trôi.
Hương Tần mặc kệ ai xua đuổi,
Lầu Hán Trăng lên ngẫm mệnh Trời.
Tuổi già thua kém bạn,
Văn chương gửi lại đời.
Đỡ hay nên tự lòng người cả,
Nghiên bút soi hoa chép mấy lời.
Bí truyền cho con cháu,
Dành hậu thế xem chơi.

SĂM KÝ

Nước Nam từ họ Hồng Bàng,
Biển dâu cuộc thế, giang san đổi đời.
Từ Đinh Lê Lý Trần thuở trước,
Đã bao đời ngôi nước đổi thay.
Núi sông Thiên định đặt bày,
Đồ thơ mấy quyển, xem nay mới rành.

.....
Kìa kìa gió thổi lá rung cây,
Rung Bắc rung Nam, Đông tới Tây.
Tan tác kiến kiều an đất nước,
Xác xơ cổ thụ sạch âm mây.
Lâm giang nổi sóng mù thao cát,
Hùng địa tràn dân hóa nước đầy.
Một ngựa một yên ai sùng bái,
Nhấn con nhà Vĩnh Bảo cho hay.
Tiền ma bạc quĩ trao tay,
Đồ Môn Nghệ Thái đẩy đầy can qua.

Giữa năm hai bảy mười ba,
Lửa đầu mà đốt Tám Gà trên mây.

.....
Cửu cửu Càn Khôn dĩ định,
Thanh minh thời tiết hoa tàn.
Trục đảo dương đầu mã vĩ,
Hồ binh bát vạn nhập Tràng an.
Nực cười những kẻ bàng quan,
Cờ tan lại muốn toan đường đá xe.

.....
Long vĩ xà đầu khởi chiến chinh,
Can qua xứ xứ khởi đao binh.
Mã đề dương cước anh hùng tận,
Thân Dậu niên lai kiến thái bình.

.....
Thần Kinh Thái Ất suy ra,
Để dành con cháu đem ra nghiệm bàn.
Ngày thường xem thấy quyển vàng,
Của riêng bảo ngọc để tàng xem chơi.
Bồi Thái Ất thấy lạ đời,
Ấy thuở Sấm Trời vô giá thập phân.
Phú quý hồng trần mộng,
Bần cùng bạch phát sinh.
Hoa thôn đa khuyến phê,
Mục giả dục nhưn canh.
Bắc hữu Kim Thành tráng,
Nam hữu Ngọc Bích Thành.
Phân phân từng bách khởi,
Nhiều nhiều xuất đông chinh.
Bảo giang Thiên Tử xuất,

Bất chiến tự nhiên thành.

.....

Cơ Tạo Hoá phép mâu khôn tỏ,

Cuộc tàn rồi mới rõ thấp cao.

Thấy Sấm từ đây chép vào,

Một mảy tơ hào chẳng dám sai ngoa.

NHỮNG GIAI THOẠI VỀ TÀI LÝ SỐ

của TRẠNG TRINH NGUYỄN BÌNH KHIÊM

1. CHUYỆN SẮT NGẮN GỖ DÀI

Tối 30 Tết, Cụ Trọng Trinh đang ngồi luận lý số cùng một học trò ở xa đến thăm và biếu cụ lễ vật. Bỗng ở ngoài cổng có tiếng người gọi mở cửa. Cụ sai gia nhân ra bảo hãy chờ cụ một chút. Rồi Cụ bảo học trò bấm quẻ đoán xem người kêu cổng ấy gọi mở cửa để làm gì.

Cả hai thầy trò đều bấm ra quẻ “*Thiết đoán một trường*” dịch ra là: *Sắt ngắn gỗ dài*. Cụ hỏi học trò:

– Vậy anh đoán nó vào đây có việc gì?

Anh học trò đáp:

– Thưa Cụ, theo ý con thì sắt ngắn gỗ dài, ắt hẳn người ấy vào đây mượn cái xuồng hay cái cuốc.

Cụ cười đáp:

– Khác với anh, tôi đoán nó vào đây mượn cái búa.

Nói xong, Cụ cho gia nhân ra mở cửa và mời người gọi cửa vào, thì đó là người láng giềng đi vào yêu cầu cho mượn cái búa, đúng như lời Cụ đoán.

Cụ giải thích cho anh học trò:

– Anh bấm quẻ giỏi, nhưng đoán còn thấp. Ngày 30 Tết thì ai đi mượn cái xuồng hay cái cuốc làm gì, cho

nên, tôi đoán nó mượn cái búa để chẻ củi nấu bánh cúng Tết mà thôi.

Bấm quẻ trúng nhưng khi đoán phải có ý thức cơ biến mới tránh khỏi sai lầm.

2. SỐ PHẬN CHIẾC QUẠT GIẤY VÀ CÁI GỐI.

Cụ Trạng Trình muốn thử xem lý số mà cụ học được có hiệu nghiệm không. Cụ làm hai thí nghiệm sau đây:

* Cụ làm một chiếc quạt giấy.

Làm xong, Cụ bói số mệnh của cây quạt giấy này thì được quẻ: “*Nữ nhân phá hủy*”.

Cụ viết 4 chữ này lên quạt và treo quạt ở đầu giường.

Đến gần tới ngày giờ quẻ ứng, Cụ ngồi trên giường luôn luôn để mắt theo dõi quẻ ứng hiện như thế nào?

Chợt bên hàng xóm có người đến mời Cụ qua dự đám giỗ, nhưng Cụ bận theo dõi chiếc quạt nên chưa thể qua ngay được. Người hàng xóm đến mời nữa, và nói với Cụ Bà giục Cụ đi qua để trễ tiệc. Cụ Bà vào phòng hỏi Cụ đi mấy lần, nhưng Cụ vẫn lo theo dõi cái quạt nên chưa thể đi được. Cụ Bà bực tức thấy ông ngồi không mà chưa chịu đi, mắt lại nhìn cái quạt không rời. Cụ Bà liền giựt phăng cái quạt, xé đi rồi nói:

– Quý báu gì cái quạt giấy này mà ông cứ nhìn nó hoài như mất thần, để người ta qua đây ba bốn phen mời mọc.

Cụ cười xòa vui vẻ và liền đi ngay qua đám giỗ.

Cụ nhận thấy lẽ nhiệm mầu trong khoa lý số đã thể hiện rất chính xác. Nhưng Cụ vẫn còn chút hồ nghi sự việc xảy ra có phải do ngẫu nhiên chăng?

Do đó, Cụ làm thêm thí nghiệm thứ nhì:

* **Cụ làm một chiếc gối bằng gỗ để ở đầu giường.**

Cụ bói số mệnh chiếc gối thì được quẻ: “*Thử đầu nhi phá*”.

Cụ rất ngạc nhiên vì gối kê ở đầu giường luôn luôn thì làm sao chuột phá hỏng được. Cụ ghi lên gối 4 chữ ấy rồi chờ thời gian xem kết quả.

Tới ngày tháng đúng như trong quẻ đã định, có một ông bạn thân đến thăm Cụ và ngồi nói chuyện với Cụ trong phòng.

Chợt có một con chuột thập thò ở gầm ghế, ông bạn quơ tay xua đuổi, con chuột không chạy đi, mà cứ ở đó nhìn ông lau láu như có ý chọc tức. Ông bạn nổi giận, thuận tay lấy ngay cái gối gỗ ném vào con chuột. Con chuột lanh chân chạy thoát, còn chiếc gối gỗ thì va vào gạch gãy ra làm nhiều mảnh.

3. THÁNH NHÂN MẮT MÙ

Khi sắp mất, Cụ Trọng Trình có ghi vào gia phả và dặn con cháu rằng: “*Bình sanh ta có một tấm bia đá để sẵn và đã sơn kia. Khi ta nhắm mắt rồi, các con phải nhớ, hễ hạ quan tài xuống, phải để tấm bia ấy lên nắp rồi mới lấp đất lại. Sau 50 năm, hễ khi nào có một người lạ đến viếng mộ ta mà nói rằng: **Thánh nhân mắt mù**, thì phải lập tức mời người ấy về nhà, yêu cầu họ đặt hương lại ngôi mộ cho ta. Chúng bây phải nhớ kỹ và canh chừng, chớ không được cãi cãi. Nếu trái lời ta, dòng dõi về sau sẽ suy đồi lụn bại.*»

Con cháu nghe lời và làm y theo lời Cụ dặn.

Đúng 50 năm sau, một hôm có một người Tàu đến viếng mộ, nhìn ngôi mộ của cụ một lúc thì cất tiếng than rằng:

– Cái huyệt ở đàng chân sờ sờ thế kia mà không biết, lại tự đem để mà thế này? Vậy là Thánh nhân cái gì đâu? hay là *Thánh nhân mắt mù* đó!

Người nhà nghe câu Thánh nhân mắt mù, liền chạy về báo cho Tộc trưởng hay, ông nẩy vôi vàng ra rước người Tàu đó vào nhà, thết đãi tử tế, rồi nhờ đặt giùm ngôi mộ lại.

Khi nói chuyện mới hay người Tàu đó là một nhà địa lý nổi tiếng ở bên Tàu mới sang nước ta. Ông ta đến đây là để xem di tích của Cụ Trạng thế nào mà tiếng đồn qua tới bên Tàu rằng: *An Nam lý học hữu Trình Tuyền*.

Khi nghe ông Trưởng tộc yêu cầu đặt hướng lại cho ngôi mộ thì người Tàu tỏ ý sẵn sàng giúp, để chúng tỏ Trạng Trình còn thua ông ta một bậc. Do đó ông ta cảm thấy rất thích chí, hìu hìu tự đắc và thâm nghĩ rằng: Với Cụ Trạng, thực ra chỉ nghe đồn chớ thực mục sở thị thì có gì giỏi đâu?

Ông ta bảo:

– Không cần phải đem đi đâu xa cả, chỉ đào lên rồi táng lại tại chỗ, nhích ra sau một chút và quay đầu lại là được.

Ông Trưởng tộc cả mừng, vôi tụ hạp con cháu lại, đưa thầy địa lý người Tàu ra mộ rồi đào lên.

Khi đào xuống sắp tới quan tài thì gặp một tấm bia đá, ông thầy Tàu lấy làm lạ, sẵn tính hiếu kỳ, ông bảo đem rửa sạch bia đá, để xem trên đó khắc chữ gì, thì thấy trên bia ấy có khắc bài thi:

Ngũ thập niên tiền mạch tại đầu,

Ngũ thập niên hậu mạch tại túc.

*Hậu sinh nhĩ bối ná năng tri,
Hà vị Thánh nhân vô nhĩ mục?*

Nghĩa là:

*Năm chục năm trước mạch tại đầu,
Năm chục năm sau mạch tại chân.
Biết gì những kẻ sanh sau,
Thánh nhân có mắt mù đâu bao giờ?*

Khi xem xong bài thơ trên, ông thầy Tào mới bật ngựa ra, phục Cự Trạng Trình sát đất. Cự tiên tri tài thiệt, sao Cự lại biết trước những lời của mình sẽ nói? Quả thật, mình chỉ đáng là học trò của Cự thôi.

4. THẰNG KHẢ LÀM NGÃ BIA TAO

Trước ngày Cự Trạng qui Tiên, Cự tạc một bia đá và dựng chôn ở rìa mộ của Cự, trên đó có ba câu:

*“Cha con thằng Khả,
đánh ngã bia tao,
làng biết được bắt thường tam quán.”*

Lúc đó người coi bia chẳng hiểu ra sao, cứ làm đúng lời Cự dặn. Cho tới một thời gian rất lâu về sau, đến một hôm có hai cha con người đó tên là Khả, đi đào chuột. Khi hai cha con đến gần nơi mộ của Cự Trạng thì thấy có hang chuột, liền đào xuống để bắt chuột. Hang chuột chạy lòn xuống đáy bia đá, chỉ lo đào hang mà quên để ý đến tấm bia đá, đào một hồi thì tấm bia đá mất chún đứng, ngã kênh ra mà chưa bắt được con chuột nào. Bọn trẻ mục đồng thấy bia ngã, chúng tri hô lên, rồi làng biết, kêu cha con ông Khả lên làng, bắt nộp tiền phạt và phải dựng bia lại như cũ.

Cha con anh Khả đành chịu nộp phạt, nhưng nhà

nghèo, trong nhà chỉ có *một quan tiền tám*, nên xin làng cho nộp phạt bao nhiêu đó mà thôi. Làng cũng đành chịu.

Thế mới biết Cụ Trạng Trình rất tài giỏi về khoa lý số, biết được tên người làm ngã bia của Cụ, và lại biết số tiền nộp phạt là *tam quán*, nói lái là *quan tám*.

5. ÔNG NGUYỄN CÔNG TRÚ PHÁ ĐỀN

Năm Minh Mạng thứ 14, vua Minh Mạng bắt khai con sông Hải Dương. Lúc ấy, ông Nguyễn Công Trứ đang làm Tri Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, lãnh chiếu chỉ của vua thi hành việc khai con sông đó, địa chính theo lệnh của vua phải cấm cho thảng, nhưng khổ thay lại trúng thảng vào Đền thờ của Cụ Trạng Trình, mà ngôi Đền này nổi tiếng linh thiêng.

Ông Trứ truyền lệnh cho dân phải phá Đền khai sông. Dân chúng không ai dám phá, Ông Trứ cũng phân vân, vì trên là lệnh của vua, dưới là ý của dân, nếu không tuân lệnh vua thì sợ vua bắt tội, mà tuân lệnh vua thì trái lòng dân.

Ông Trứ sắm nhang đèn vào Đền vái Cụ Trạng Trình xin Cụ cho phép phá Đền, vì lệnh vua, ông phải thi hành, xin Cụ hiểu lòng của ông.

Rồi ông Trứ xin chịu hết trách nhiệm cho công việc phá Đền, lúc đó dân quân mới dám phá.

Khi đào phá tới cái bệ thờ, thấy hiện ra một tấm bia đá chôn dưới bệ; có chạm khắc bốn câu sau đây:

*“Minh Mạng thập tứ,
Thằng Trứ phá Đền.
Phá Đền thì phải làm đền,*

Nào ai lấn đất tranh quyền của ai.”

Ông Nguyễn Công Trứ thấy Cụ Trạng Trình nói đúng tên của mình thì sợ quá, truyền cho dân chúng ngưng việc phá Đền, và lo việc cất Đền trở lại như trước.

Khi đó, lại tìm thấy trên đầu cột cái có đề 4 hàng chữ:

*“Hông Đền thì lại làm đền,
Rồi sau tìm thấy bạc tiền của ta.
Của ông, ông để còn xa,
Ai mà tìm được ắt là thưởng công.”*

Ông Tri Huyện Nguyễn Công Trứ đọc 4 câu thơ này xong thì suy nghĩ mãi, chợt nảy ra ý nói lái: CÒN XA nói lái lại là XÀ CON. Ông Trứ liền quan sát các cây xà con đã tháo xuống, thấy có một cây khá nặng, nặng hơn các cây khác. Ông Trứ mừng rỡ, cho bữa cây này ra thì có bạc nén văng ra.

Ông Trứ liền dùng số bạc này đi mua các thứ vật liệu, cất Đền trở lại cho Cụ Trạng, với tấm lòng vô cùng kính phục Cụ Trạng.

Số bạc còn dư, ông Trứ giao cho dân làng Vĩnh Lại để dành tu bổ các đền chùa đình miếu trong làng.

6. CÂY XÀ NHÀ ĐỒ

Khi Cụ Trạng Trình sắp mất, Cụ kêu con cháu lại giao cho một cái ống tre sơn sơn thếp vàng, gắn bít hai đầu lại và dặn đúng ngày giờ ấy, tháng ấy, năm ấy, phải để cái ống lên kiệu, rước lên dinh quan Tổng Đốc Hải Dương, thì sẽ cứu được tình thế quá nghèo khổ của gia đình, nhưng tuyệt đối không được mở ra xem, chỉ có quan Tổng Đốc được mở mà thôi.

Cái ống tre ấy truyền đến cháu 7 đời của Cụ Trọng thì mới đúng ngày giờ đã định. Người cháu ấy mới đưa lên quan Tổng Đốc Hải Dương đúng theo lời Tổ tiên đã dặn ghi trong gia phả.

Quan Tổng Đốc cầm cái ống, mở ra xem, thấy có hai câu thơ như vậy:

*Ngã cứu nhĩ thượng lương chi ách,
Nhĩ cứu ngã thất đại chi bản.*

Nghĩa là:

*Ta cứu mây khỏi cây xà nhà đổ,
Mây cứu ta cháu bảy đời nghèo.*

Quan Tổng Đốc đang lúc làm việc quan, thấy hai câu thơ nói xác xược, gọi quan là MÂY thì cả giận, sẵn cầm cây quạt, ông bước tới đánh người vừa dâng cái ống tre có hai câu thơ ấy. Khi vừa bước ra khỏi chỗ ngồi thì bỗng nhiên cây xà nhà to lớn trên nóc nhà đổ xuống ngay cái ghế mà quan vừa ngồi, đánh rầm một cái, làm cho cái ghế gãy nát.

Quan Tổng Đốc hết hoảng, kêu la inh ỏi, giựt mình ngó lại, nếu còn ngồi tại cái ghế đó, cây xà nhà đập xuống ắt phải chết nát xương.

Khi quan bình tĩnh suy nghĩ trở lại hai câu thơ vừa rồi thì mới biết người viết hai câu thơ đó đã cứu quan thoát khỏi tai nạn hiểm nghèo hy hữu đó. Quan hỏi đến người dâng cái ống tre, mới rõ đó là cháu 7 đời của Cụ Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm, và hai câu thơ trên là Cụ Trọng Trình viết ra để cứu ông thoát nạn.

Quan Tổng Đốc cho dọn dẹp, rồi mời người cháu 7 đời của Cụ Trọng vào nhà trong, thiết đãi cơm rượu, và giúp cho một món tiền lớn.

Sơ Lược Tiểu Sử
THANH SƠN ĐẠO SĨ
(青山道士)

BIÊN KHẢO | HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG